TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN AN** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2024/DS-ST
Ngày: 25-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hải

Bà Lê Thị Đông

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lý Kiều Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 283/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần P (Viết tắt: Ngân hàng O);

Địa chỉ trụ sở chính: Số D (Tầng trệt, lửng, 1,2 của toà nhà) và D Đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo ủy quyền.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông Lê Thích Quang Đ, sinh năm 1990, chức vụ: Nhân viên Phòng thu hồi nợ-Khối RB-Ngân hàng O;

Địa chỉ liên lạc: Số B H, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/6/2024)

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1985;

2. Ông Châu Hữu T2, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Số D N, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3. Bà Nguyễn Thu T3, sinh năm 1967 (tên gọi khác: Nguyễn Thị Thu T3);

4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: Số A Đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

(ông Đ có mặt, những người còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng TMCP P do ông Lê Thích Quang Đ đại diện trình bày:

Ngày 05 tháng 10 năm 2019, Ngân hàng OCB có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Châu Hữu T2 vay tiền theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ để vay vốn tại Ngân hàng O, chi tiết như sau: Hợp đồng tín dụng số 0705/2019/HĐTD-OCB-CN ngày 12/09/2019 và Khế ước nhận và số 0705/2019/KUNN-OCB-CN ngày 05/10/2019 với số tiền vay: 170.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; mục đích: Vay tiêu dùng mua sắm trang thiết bị trong gia đình; lãi suất vay: 11%/ năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn; lãi suất có điều chỉnh (theo khế ước nhận nợ số 10705/2019/KUNN-OCE CN ngày 05/10/2019).

Khi vay, ông T2 bà T1 có đảm bảo khoản vay bằng tài sản gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 83, tờ bản đồ số 1-14; địa chỉ Phường C, thị xã T, tỉnh Long An (nay là Phường C, thành phố T, tỉnh Long An) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 273283, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H100491 do UBND thị xã T, tỉnh Long An (nay là thành phố T, tỉnh Long An) cấp ngày 06/9/2005 cho bà Nguyễn Thu T3 đứng tên. Tài sản này thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thu T3 và ông Nguyễn Văn H là cha mẹ của bà T1.

Việc thế chấp tài sản đã được lập thành Hợp đồng thế chấp tài sản số 0705/2019/BĐ ngày 12/9/2019 và được công chứng tại Văn phòng C và đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Long An theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà T1 và ông T2 chỉ thanh toán gốc và lãi theo lịch trả nợ đến ngày 11/4/2023 sau đó không thanh toán bất kỳ khoản vay nào cho Ngân hàng. Ngân hàng O đã chuyển khoản nợ của bà T1 và ông T2 sang nợ quá hạn từ ngày 12/4/2023. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở tạo điều kiện cho bà T1 ông T2 trả nợ nhưng vẫn không thực hiện.

Việc bà T1 ông T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết và kế hoạch trả nợ với Ngân hàng O đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng tín dụng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng O.

Tính đến ngày 19 tháng 6 năm 2024, tổng dư nợ mà bà T1 ông T2 phải trả cho Ngân hàng O là 61.992.404 đồng.

Nay Ngân hàng OCB khởi kiện yêu cầu bà T1 ông T2 trả ngay cho Ngân hàng OCB số nợ nêu trên tạm tính đến ngày xét xử là 64.743.798 đồng (trong đó gốc là 51.140.000 đồng, lãi là 13.603.798 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 26/9/2024 cho đến khi bà T1 và ông T2 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng O. Đồng thời yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp

quyền sử dụng đất số 0705/2019/BĐ ngày 12/9/2019 để bảo đảm việc thu hồi nợ của Ngân hàng. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ trả nợ thì bà T1 ông T2 vẫn có nghĩa vụ tiếp tục trả số nợ còn lại cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ của Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn tại nơi cư trú nhưng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H bà Nguyễn Thu T3 cùng trình bày:

Ông H bà T3 là cha mẹ của bà T1. Ông H bà T3 có dùng tài sản là nhà và đất thửa số 83, tờ bản đồ số 1-14a; địa chỉ Phường C, thành phố T, tỉnh Long An là tài sản của ông bà để bảo lãnh cho con gái và con rể vay tiền tại Ngân hàng TMCP P để làm ăn, do làm ăn bị thua lỗ nên bà T1 ông T2 đã rời khỏi gia đình đi nơi khác. Hiện nay, gia đình cũng không thể liên hệ được với vợ chồng bà T1 ông T2. Do điều kiện hoàn cảnh gia đình hiện rất khó khăn, vợ chồng ông H bà T3 đang ốm đau bệnh tật, thu nhập bấp bênh nên đề nghị Ngân hàng cho trả dần nợ vay mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ vay.

Do bị đơn vắng mặt không lý do và nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa ra xét xử theo quy định.

Tại phiên toà,

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày không còn tài liệu, chứng cứ gì khác cần cung cấp cho Toà án, không yêu cầu Toà án thu thập tài liệu, chứng cứ. Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện cho bị đơn và người liên quan trả nợ nhưng không có thiện chí, hiện nay bà T1 ông T2 cũng không cung cấp địa chỉ cư trú mới cho Ngân hàng. Ngân hàng không đồng ý đề nghị trả dần của ông H bà T3. Về sự thay đổi năm sinh và chữ đệm của bà T3 ông H trong hợp đồng thế chấp và thực tế Căn cước công dân hiện nay không giống nhau là do bà T3 ông H đi chỉnh lý thông tin khi làm lại Căn cước công dân mà không thông báo cho Ngân hàng nên Ngân hàng chưa cập nhật được thông tin thay đổi.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ do Ngân hàng O cung cấp gồm các bản sao gồm hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản đã được công chứng và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố T đăng ký giao dịch bảo đảm tương ứng với ngày ký hợp đồng thế chấp, bảng kê tính lãi tính đến ngày 25/9/2024 xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng O là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà T1 ông T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 25/9/2024 theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là 64.743.798 đồng; trong đó gốc là 51.140.000 đồng, lãi là 13.603.798 đồng. Bị đơn còn tiếp tục chịu lãi chậm trả từ ngày

26/9/2024 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng. Tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên để đảm bảo thi hành án cho Ngân hàng. Bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng O có đơn khởi kiện tranh chấp đối với bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Châu Hữu T2, địa chỉ cư trú tại Phường D, thành phố T, tỉnh Long An về yêu cầu trả số nợ còn thiếu trong hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào các điều: 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về xét xử vắng mặt các đương sự: bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1 ông Châu Hữu T2 cùng người liên quan bà Nguyễn Thu T3 và ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[3.1] Giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T1 ông Châu Hữu T2 và Ngân hàng O - Chi nhánh L1 có ký kết Hợp đồng tín dụng số 0705/2019/HĐTD-COB-CN kèm Khế ước nhận và số 0705/2019/KUNN-OCB-CN ngày 05/10/2019. Theo đó, bà T1 ông T2 có vay của Ngân hàng số tiền: 170.000.000 đồng đồng; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất trong hạn: 11%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất được điều chỉnh theo khế ước nhận nợ; mục đích vay: vay tiêu dùng mua sắm trang thiết bị trong gia đình. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho bà T1 ông T2 theo Khế ước nhận nợ ngày 05/10/2019.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1 ông T2 đã trả được một phần nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, chỉ còn nợ lại số tiền gốc là 51.140.000 đồng nhưng sau đó bị đơn không thực hiện trả gốc và lãi đúng hạn là đã vi phạm nghĩa vụ của người vay tiền theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và văn bản cam kết kèm theo. Đây là loại hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần, theo đó tổng cộng số nợ mà bị đơn còn thiếu của Ngân hàng bao gồm gốc: 51.140.000 đồng, tổng số tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi là 13.121.040 đồng.

[3.3] Việc bà T1 ông T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng O đúng hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết đã vi phạm nghĩa vụ của người vay tiền, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng được pháp luật bảo vệ.

[3.4] Do đó, Ngân hàng O khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T1 ông Châu Hữu T2 trả số tiền gốc còn nợ và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi là phù hợp quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản nợ vay:

[4.1] Để bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký, bà T1 ông T2 đã thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 83, tờ bản đồ số 1-14a; địa chỉ Phường C, thành phố T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 273283, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00491 do UBND thị xã T, tỉnh Long An (nay là thàn phố T, tỉnh Long An) cấp ngày 06/9/2005 cho bà Nguyễn Thu T3 đứng tên. Tài sản này thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà Nguyễn Thu T3 và ông Nguyễn Văn H là cha mẹ của bà theo Hợp đồng thế chấp

quyền sử dụng đất số 0705/2019/80 ngày 12/9/2019 được công chứng tại Văn phòng C và đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cùng ngày theo quy định của pháp luật. Việc thế chấp giữa các bên được thực hiện đúng trình tự thủ tục nên yêu cầu của Ngân hàng O về tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 292, 293, 298, 323 và Điều 299 Bộ luật Dân sự đồng thời bị đơn và người liên quan không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì khác nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án cho Ngân hàng.

[5] Về thông tin năm sinh của ông H bà T3 có khác nhau trong hồ sơ thế chấp và giấy tờ tùy thân hiện nay: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của vợ chồng bà T3 ông H với Ngân hàng O ghi bà T3 có năm sinh 1964, theo chứng minh nhân dân số 301303508 cấp ngày 17/01/2019; ông H có năm sinh 1965, theo chứng minh nhân dân số 300459715 cấp ngày 06/02/2009 nhưng hiện nay theo căn cước công dân thì bà T3 có năm sinh 1967 (không phải năm sinh 1964) và tên là Nguyễn Thu T3 (không phải Nguyễn Thị Thu T3), ông H có năm sinh 1963 (không phải năm sinh 1965). Qua làm việc thì ông H bà T3 cũng thừa nhận có sự thay đổi thông tin cá nhân như trên là do ông bà đi làm lại căn cước công dân nhưng việc thay đổi này không mặc nhiên làm thay đổi nghĩa vụ của vợ chồng ông bà.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp tổng cộng là 2.000.000 đồng; nguyên đơn đã tạm ứng và chi phí xong, bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 156, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T1 ông Châu Hữu T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng O số nợ đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 0705/2019/HĐTD-OCB-CN ngày 12/9/2019 tạm tính đến ngày 25/9/2024 là 64.743.798 đồng, trong đó nợ gốc là 51.140.000 đồng, tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là 13.121.040 đồng..

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 26/9/2024, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 ông Châu Hữu T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi

suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0705/2019/BĐ ngày 12/9/2019 giữa Ngân hàng O với bà Nguyễn Thu T3 ông Phạm Văn H1 được công chứng tại Văn phòng C và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố T ngày 12/9/2019 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng O, cụ thể: Trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Châu Hữu T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng O thì Ngân hàng O được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 83, tờ bản đồ số 1-14a, loại đất: ONT, diện tích 59.5m^2; địa chỉ: Phường C, thành phố T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 27383, số vào sổ cấp GCN: H00491 do UBND thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An cấp ngày 06/9/2005 cho bà Nguyễn Thị Thu T3 đứng tên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng O.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm nêu trên mà vẫn không đủ trả nợ thì bà T3 ông T2 vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số nợ còn lại cho Ngân hàng O cho đến khi trả hết số nợ.

2. Về án phí dân sợ sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1 ông Châu Hữu T2 phải liên đới chịu 3.237.190 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

- Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.549.810 đồng theo biên lai thu số 0001882 ngày 03/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1 ông Châu Hữu T2 phải liên đới chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; số tiền này Ngân hàng OCB đã tạm ứng và chi phí xong, bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 2.000.000 đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận: *(10b)*
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. Tân An;
- Các đương sự (05);
- Lưu: HS vụ án, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Toàn Vẹn